

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN
SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-29

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Thuận.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Theo thông báo số 1000/TB-SGDHN ngày 01/11/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau:

- Tên chứng khoán: cổ phiếu CTCP Vận tải biển Sài Gòn
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: SGS
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 14.420.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 144.200.000.000 đồng

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Việt Triều	Chủ tịch
Ông Henrik N.Andersen	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Đỗ Doãn Thành Công	Thành viên
Ông Lundbaek Joergen Christian	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

Ông Phạm Hoàng Hiệp
Ông Võ Tuấn Anh
Bà Võ Ngọc Thủy

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Việt Triều
Ông Đỗ Ngọc Lâm
Ông Nguyễn Quang Việt
Ông Lê Minh

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2011)
Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2011)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Đỗ Việt Triều
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Số: 00407HCM/128.11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề như sau:

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 VND (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 4 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh). Nếu ghi nhận khoản thuế phải nộp này vào sổ sách, lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
2. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 44.852.871.108 VND. Điều này có thể dẫn đến Công ty gặp khó khăn khi thanh toán các khoản nợ đến hạn.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SAÌ GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.465.982.904	24.437.106.404
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.368.388.143	6.156.051.911
Tiền	111		2.368.388.143	6.156.051.911
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		9.267.874.817	9.548.834.683
Phải thu khách hàng	131	4.2	7.772.285.446	6.348.234.680
Trả trước cho người bán	132	4.3	588.493.203	2.665.489.975
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	8.363.437.272	7.991.451.132
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.456.341.104)	(7.456.341.104)
Hàng tồn kho	140	4.5	5.218.973.420	5.953.839.809
Hàng tồn kho	141		5.218.973.420	5.953.639.809
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.610.746.524	2.778.380.001
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	4.843.480.681	1.499.212.981
Thuê GTGT được khấu trừ	152		27.697.128	221.671.950
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		30.976.076	30.976.076
Giáo dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	708.592.639	1.026.518.994

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		381.446.307.686	400.918.894.298
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		308.392.784.715	324.687.317.772
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	284.764.055.118	301.969.598.610
Nguyên giá	222		361.773.400.038	362.285.697.588
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.009.344.920)	(60.316.098.978)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.625.710.824	2.761.519.588
Nguyên giá	228		4.555.263.076	4.555.263.076
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.929.552.252)	(1.793.743.488)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	21.003.018.773	19.956.199.574
Bất động sản đầu tư	240	4.11	14.076.432.804	15.449.484.468
Nguyên giá	241		26.962.855.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.886.422.538)	(11.513.370.874)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		58.934.590.167	59.426.499.670
Đầu tư vào công ty con	251	4.12	9.050.000.000	9.050.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	63.360.434.439	63.360.434.439
Đầu tư dài hạn khác	258	4.14	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.15	(19.475.844.272)	(18.983.934.769)
Tài sản dài hạn khác	260		42.500.000	1.355.592.388
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.336.092.388
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		42.500.000	19.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		403.912.290.590	425.356.000.702

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		274.943.705.368	267.863.032.385
Nợ ngắn hạn	310		67.318.854.012	66.568.414.628
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.16	22.700.624.000	23.071.440.000
Phải trả cho người bán	312	4.17	18.700.553.159	18.178.314.099
Người mua trả tiền trước	313	4.18	5.129.934.429	6.950.792.427
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.19	977.801.500	522.819.783
Phải trả công nhân viên	315		844.254.960	906.624.220
Chi phí phải trả	316	4.20	4.496.411.764	2.738.628.016
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.21	14.469.274.200	14.199.796.083
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.22	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		207.624.851.356	201.294.617.757
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.23	201.548.189.688	197.104.367.271
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.24	6.076.661.668	4.025.332.273
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	164.918.213
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.968.585.222	157.492.968.317
Vốn chủ sở hữu	410	4.25	128.966.585.222	157.492.968.317
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.200.000.000	144.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.436.551.000	11.436.551.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.590.599.950	13.590.599.950
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.309.606.047	1.309.606.047
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(41.568.171.775)	(13.043.788.680)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		403.912.290.590	425.356.000.702

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			
Nợ khó đòi đã xử lý		16.129.905.471	16.129.905.471
Ngoại tệ các loại (USD)		4.785,32	94.179,14
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
 Kế toán trưởng




ĐỖ NGỌC LÂM
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		146.207.671.851	122.616.960.675
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	146.207.671.851	122.616.960.675
Giá vốn hàng bán	11	5.2	138.131.166.056	113.308.992.961
Lợi nhuận gộp	20		8.076.505.795	9.307.967.714
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.773.158.622	6.004.330.687
Chi phí tài chính	22	5.4	33.728.991.972	24.054.198.059
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.718.771.480</i>	<i>14.197.053.649</i>
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	6.829.384.953	6.329.273.422
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(25.708.712.506)	(15.071.173.080)
Thu nhập khác	31	5.6	918.259.379	12.061.064.862
Chi phí khác	32	5.7	1.086.218.571	4.213.597.939
Lợi nhuận khác	40		(167.959.192)	7.847.466.923
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.876.871.700)	(7.223.706.157)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	345.410.498
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	2.051.329.395	3.299.959.908
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(27.928.001.095)	(10.869.076.563)



ĐỖ ĐOÀN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng




ĐỖ NGỌC LÂM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Ma số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(25.876.671.700)	(7.223.706.157)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	18.633.272.396	18.777.901.108
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	491.909.503	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	16.889.222.089	8.528.618.085
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.661.147.242)	(10.865.768.129)
Chi phí lãi vay	06	15.718.771.480	14.197.053.649
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.975.356.526	23.414.098.556
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	705.556.599	17.784.401.805
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	734.666.389	(3.343.672.837)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(3.685.684.090)	(11.309.591.567)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.450.640.440)	928.299.688
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.991.566.226)	(14.112.907.253)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.551.512.054)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(262.608.517)	(550.800.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.025.280.241	9.258.315.653
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(59.062.676)	(18.735.339.578)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	667.363.092	4.609.369.927
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.013.784.150	2.950.650.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.622.084.566	(14.775.319.442)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.666.240.000	10.217.253.357
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.107.860.000)	(24.076.111.411)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(704.734.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.441.620.000)	(14.563.592.938)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(3.794.255.193)	(20.080.596.727)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	6.156.051.911	26.195.025.961
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.591.425	41.622.677
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	2.399.388.143	6.156.051.911


ĐO ĐOÀN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng




ĐO NGỌC LAM
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, TP. Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng tháng 8, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Thuận.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 127 người, trong đó số nhân viên quản lý là 5 người (cuối năm trước là 154 nhân viên).

Theo thông báo số 1000/TB-SGDHN ngày 01/11/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau:

- Tên chứng khoán: cổ phiếu CTCP Vận tải biển Sài Gòn
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: SGS
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 14.420.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 144.200.000.000 đồng

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kê toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kê toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20.828 VND/USD

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kê toán.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí này được phân bổ không quá 3 năm.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

3.13 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Công ty không trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm, khi có phát sinh khoản chi trợ cấp thời việc cho người lao động, Công ty sẽ ghi nhận trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/ (giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

3.15 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

3.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	Việt Nam	Công ty con
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh APM-Saigon shipping Company Ltd.	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận tải container Korex Sài Gòn	Việt Nam	Công ty liên kết

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	101.158.603	43.164.549
Tiền gửi ngân hàng - VND	2.167.557.611	6.112.887.362
Tiền gửi ngân hàng - USD	99.671.929	-
	2.368.388.143	6.156.051.911

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Raffles Shipping International Pte Ltd	-	161.016.660
T.K.B Shipping A/S	321.069.868	250.205.123
Flogis International Corp	2.344.303.246	-
Công ty TNHH Vận tải Hà Việt	227.935.677	-
Công ty TNHH Vận tải KAS Hà Nội	222.932.512	510.469.460
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.435.633.365	2.468.946.925
Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải Quốc Tế	579.996.403	375.557.777
Công ty TNHH Quang Thuận	808.000.000	808.000.000
Chi nhánh DNTN Cỏ May	-	231.948.000
Công ty TNHH MTV Đông Nước Vàng	176.800.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH Vận tải Container Korex SaiGon	60.173.933	168.714.700
Công ty CP Thủy Sản Việt Thắng	99.000.000	147.705.000
Các khách hàng khác	1.496.440.442	1.225.671.035
	7.772.285.446	6.348.234.660
4.3 Trả trước cho người bán	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
ACT Infraport Ltd	-	209.415.750
Công ty CP Saigon S.H.I.P Đá Nẵng	-	557.890.800
DIX Shipping Co.,	-	431.001.747
Five Star Shipping Agency (PVT) Ltd	-	378.507.476
Cty TNHH DV DL Hàng hải Thuận Phong	101.101.250	-
Cty TNHH TM-DV Sửa chữa tàu biển Viễn Hùng	147.066.000	-
Các nhà cung cấp khác	340.325.953	1.088.674.202
	588.493.203	2.665.489.975
4.4 Các khoản phải thu khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu tiền bán cổ phần cho CBCNV	321.614.714	321.614.714
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747 (*)	5.849.054.747
Công nợ phải thu chờ xử lý	1.555.209.374 (*)	1.255.027.189
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	-	337.391.483
Phí chi hộ cho tàu	104.059.653	-
Lãi liên doanh phải thu	200.000.000	-
Phải thu khác	333.498.784	228.362.999
	8.363.437.272	7.991.451.132
(*) Công nợ đã được lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.		
4.5 Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên vật liệu	40.435.230	12.445.460
Nhiên liệu	5.170.768.190	5.925.534.349
Công cụ, dụng cụ	7.770.000	15.860.000
	5.218.973.420	5.953.839.809
4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa (*)	4.491.845.087	1.357.110.326
Khác	351.635.594	142.102.655
	4.843.480.681	1.499.212.981

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(*) Chi tiết chi phí sửa chữa phát sinh trong năm như sau:

	2011 VND
Số đầu năm	1.357.110.326
Tăng trong năm	7.117.667.029
Trong đó :	
<i>Tàu Sài Gòn Queen</i>	<i>5.542.929.198</i>
<i>Tàu Sài Gòn Princess</i>	<i>1.133.145.103</i>
<i>Tàu sông</i>	<i>383.542.728</i>
<i>Văn phòng công ty</i>	<i>58.050.000</i>
Chi phí phân bổ trong năm	3.982.932.268
Trong đó:	
<i>Tàu Sài Gòn Queen</i>	<i>2.459.243.937</i>
<i>Tàu Sài Gòn Princess</i>	<i>1.112.911.603</i>
<i>Tàu sông</i>	<i>377.107.728</i>
<i>Văn phòng công ty</i>	<i>33.669.000</i>
Số dư cuối năm	4.491.845.087

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	702.592.639	1.020.518.994
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
	708.592.639	1.026.518.994

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2011	13.575.807.492	1.589.408.538	346.179.240.991	941.240.567	362.285.697.588
Tăng từ XDCB	92.805.950	-	-	-	92.805.950
Thanh lý	-	-	(605.103.500)	-	(605.103.500)
Vào ngày 31/12/2011	13.668.613.442	1.589.408.538	345.574.137.491	941.240.567	361.773.400.038
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2011	6.335.109.858	1.035.319.910	52.188.373.281	757.295.929	60.316.098.978
Khấu hao trong năm	1.006.161.682	158.940.864	15.844.588.918	114.720.504	17.124.411.968
Thanh lý	-	-	(431.166.026)	-	(431.166.026)
Vào ngày 31/12/2011	7.341.271.540	1.194.260.774	67.601.796.173	872.016.433	77.009.344.920
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2011	7.240.697.634	554.088.628	293.990.867.710	183.944.638	301.969.598.610
Vào ngày 31/12/2011	6.327.341.902	395.147.764	277.972.341.318 (*)	69.224.134	284.764.055.118

(*) Tàu Sài Gòn Queen và tàu Sài Gòn Princess đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Sở Giao dịch II- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, đã thông qua phương án bán hai tàu biển (Sài Gòn Queen 6500 DWT và Sài Gòn Princess 6800 DWT) và hai tàu sông (tàu Long Phú 1 và Long Phú 2). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Thời gian sử dụng hữu ích ước tính	Khấu hao lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tàu Sài Gòn Queen	116.729.138.765	21 năm	38.574.581.040	78.154.557.725
Tàu Sài Gòn Princess	204.217.835.623	25 năm	17.004.606.242	187.213.229.381
Tàu Long Phú 1	7.228.490.192	15 năm	1.927.597.392	5.300.892.800
Tàu Long Phú 2	7.229.508.289	15 năm	1.927.868.880	5.301.639.409

Trong năm 2009, Công ty có thay đổi mức trích khấu hao (do thay đổi thời gian sử dụng), cụ thể như sau:

	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng ước tính ban đầu	Thay đổi thời gian sử dụng từ năm 2009
Tàu Saigon Queen	2006	15 năm	21 năm
Tàu Saigon Princess	2009	15 năm	25 năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khấu hao lũy kế của của tàu Sài Gòn Queen và Sài Gòn Princess theo sổ sách của Công ty là 55.579.187.282 VND. Nếu khấu hao theo tỷ lệ ước tính ban đầu, giá trị khấu hao lũy kế là 75.170.940.723 VND. Giá trị chênh lệch do thay đổi thời gian khấu hao là 19.591.753.441 VND.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.877.594.107 VND.

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2011	4.417.020.968	138.242.108	4.555.263.076
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2011	4.417.020.968	138.242.108	4.555.263.076
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2011	1.683.714.463	110.029.025	1.793.743.488
Khấu hao trong năm	121.775.304	14.033.460	135.808.764
Vào ngày 31/12/2011	1.805.489.767	124.062.485	1.929.552.252
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2011	2.733.306.505	28.213.083	2.761.519.588
Vào ngày 31/12/2011	2.611.531.201	14.179.623	2.625.710.824

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Công trình mở rộng trung tâm kho vận	7.354.092.311	130.854.200	-	7.484.946.511
Công trình đóng mới 2 tàu sông	12.602.107.263	915.964.999	-	13.518.072.262
Cải tạo, sửa chữa văn phòng Công ty	-	92.805.950	(92.805.950)	-
	19.956.199.574	1.139.625.149	(92.805.950)	21.003.018.773

Riêng công trình đóng mới 2 tàu sông, Công ty đã không tiếp tục đầu tư như dự kiến ban đầu, chi tiết chi phí đã phát sinh cho dự án này như sau:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thiết kế, lập hồ sơ mời thầu	333.401.819	333.401.819
Chi phí mua 2 máy chính YANMAR 600 HP	11.412.518.778	11.403.178.778
Chi phí lãi vay	1.772.151.665	865.526.666
	13.518.072.262	12.602.107.263

Theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thống nhất bán 2 máy chính YANMAR 600 HP.

4.11 Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Công VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2011	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2011	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2011	3.122.499.346	8.390.871.528	11.513.370.874
Khấu hao trong năm	254.475.924	1.118.575.740	1.373.051.664
Vào ngày 31/12/2011	3.376.975.270	9.509.447.268	12.886.422.538
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2011	5.870.204.654	9.579.279.814	15.449.484.468
Vào ngày 31/12/2011	5.615.728.730	8.460.704.074	14.076.432.804

Nguyên giá Bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 637.015.000 VND.

4.12 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng (li)	905.000	9.050.000.000	905.000	9.050.000.000
		9.050.000.000		9.050.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0401358956 ngày 21 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch & đầu tư TP. Đà Nẵng cấp và đăng ký thay đổi ngày 3 tháng 11 năm 2010, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng là 9.000.000.000 VND, tương đương 56,13% vốn điều lệ. Vốn góp thực tế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.050.000.000 VND, tương đương 56,56% trên tổng vốn góp.

4.13 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn (i)	-	18.983.934.769	-	18.983.934.769
Công ty TNHH APM-Saigon Shipping (ii)	-	3.948.807.687	-	3.948.807.687
Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics (iii)	-	6.827.691.983	-	6.827.691.983
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh (iv)	-	33.600.000.000	-	33.600.000.000
		63.360.434.439		63.360.434.439

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 2 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn là USD 1,224,000, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn đang trong quá trình thanh lý giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 ngày 8 tháng 8 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping là USD 250,000.00, tương đương 25% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thống nhất mua 24% tổng số vốn đầu tư của đối tác Maersk Line Agency Holding A/S, tương đương với 240.000 USD trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping bằng tiền chia lãi của liên doanh cho Công ty. Tuy nhiên, đến ngày kết thúc năm tài chính, Nghị quyết này vẫn chưa được thực hiện.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000270 ngày 4 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 9 tháng 2 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics là USD 540,000.00, tương đương 33,75% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000401 ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 6 năm 2009, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh là 33.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

4.14 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
		6.000.000.000		6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308976796 ngày 8 tháng 6 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 3 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế là 12.000.000.000 VND, tương đương với 4% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp được 6.000.000.000 VND.

4.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số đầu năm VND	Trích lập/(hoàn nhập) trong năm VND	Số cuối năm VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn (*)	18.983.934.769	-	18.983.934.769
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng (Công ty con)	-	491.909.503	491.909.503
	18.983.934.769	491.909.503	19.475.844.272

(*) Công ty lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn do Công ty này đang trong quá trình thanh lý giải thể.

4.16 Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn -VND	(a)	3.000.000.000	6.000.000.000
Vay ngắn hạn -USD	(b)	1.666.240.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả -VND	(c)	9.120.000.000	9.120.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả -USD	(d)	8.914.384.000	7.951.440.000
		22.700.624.000	23.071.440.000

Chi tiết phát sinh như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	23.071.440.000	28.807.765.824
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.666.240.000	6.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(16.107.860.000)	(24.076.111.411)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	597.240.000	-
Kết chuyển từ nợ dài hạn	11.473.564.000	12.919.785.587
Cản trừ đầu tư	-	(580.000.000)
Số dư cuối năm	22.700.624.000	23.071.440.000

(a) Đây là số dư khoản vay Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn với lãi suất 19%/năm. Khoản vay này được sử dụng cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).

(b) Đây là số dư các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn, số tiền vay là 80.000 USD, tương đương với 1.666.240.000 VND, lãi suất 7,3%/năm. Khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

(c) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh 4.23a).

(d) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh 4.23b)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.17	Phải trả người bán	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Ocean Energy Bunkering Pte., Ltd	-	3.525.329.803
	MonJasa	2.444.252.028	-
	United Bunkering & Trading	-	345.414.340
	Công ty TNHH MTV Ba Sơn (*)	10.000.000.000 (a)	10.000.000.000
	Cảng Đà Nẵng	410.091.099	307.606.568
	Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Đông Nam Bộ (*)	1.000.000.000 (b)	1.213.604.740
	Cảng vụ TP.Hồ Chí Minh	24.484.147	1.293.410.386
	Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	618.469.970	-
	Các nhà cung cấp khác	4.203.255.915	1.492.948.262
		18.700.553.159	18.178.314.099
	(*) Các khoản nợ đã đến hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán		
	(a) Khoản nợ phải trả để đóng mới tàu Sài Gòn Princess		
	(b) Khoản nợ phải trả để mua 2 máy chính YANMAR 600 HP cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).		
4.18	Người mua trả tiền trước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Người mua trả trước/cước vận chuyển	2.940.986.178	2.805.722.400
	Người mua trả trước/phí thuê kho	2.028.089.010	3.950.282.965
	Các khách hàng khác	160.859.241	194.787.062
		5.129.934.429	6.950.792.427
4.19	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	384.884.393	8.719.523
	Thuế thu nhập cá nhân	133.315.288	74.731.551
	Thuế nhà thầu nộp hộ	459.601.819	439.368.709
		977.801.500	522.819.783
4.20	Chi phí phải trả	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	Chi phí trả trước tiền mua cổ phiếu	-	11.110.516
	Chi phí lãi vay	4.193.443.891	559.613.638
	Chi phí cho tàu	286.287.026	2.047.590.456
	Chi phí khác	16.680.847	120.313.406
		4.496.411.764	2.738.628.016

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi phí lãi vay phải trả cò gốc ngoại tệ là 190.748,43 USD, tương đương 3.973.845.034 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.21 Phải trả khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	243.548.764	72.281.853
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	355.577.311	-
Phải trả cổ phần hóa	3.197.058.734	3.197.058.734
Cổ tức phải trả	5.129.173.740	5.141.797.340
Công ty CP TMDV Quảng Trường Quốc Tế	5.200.000.000 (*)	5.200.000.000
Nhận ký quỹ	177.395.400	177.395.400
Các khoản phải trả khác	166.520.251	411.262.756
	<u>14.469.274.200</u>	<u>14.199.796.083</u>

(*) Đây là khoản hỗ trợ vốn có hoán lại, không tính lãi suất, kỳ hạn trả nợ được gia hạn đến ngày 19 tháng 4 năm 2012.

4.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2011 VND	2010 VND
Số đầu năm (*)	(337.391.483)	213.409.381
Trích lập quỹ	600.000.000	-
Sử dụng quỹ	(262.608.517)	(550.800.864)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(337.391.483)</u>

(*) Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi đầu năm được trình bày ở chỉ tiêu " Các khoản phải thu khác" (xem thuyết minh 4.4).

4.23 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay và nợ dài hạn - VND	(a) 29.045.570.000	38.165.570.000
Vay và nợ dài hạn - USD	(b) 172.502.619.888	158.938.797.271
	<u>201.548.189.888</u>	<u>197.104.367.271</u>

Chi tiết phát sinh vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	197.104.367.271	203.700.990.715
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	4.217.253.357
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	15.917.386.417	8.735.908.786
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(11.473.564.000)	(12.919.785.587)
Cần trừ đầu tư	-	(6.630.000.000)
Số dư cuối năm	<u>201.548.189.888</u>	<u>197.104.367.271</u>

(a) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 45/HĐ-TĐDP ngày 12 tháng 4 năm 2004 và phụ lục hợp đồng số 16/PLHĐ/TĐDP-2006 ngày 12 tháng 6 năm 2006, lãi suất vay 3% /năm, thời hạn vay là 10 năm (từ ngày 12 tháng 4 năm 2004 đến 12 tháng 4 năm 2014), mức trả nợ gốc mỗi năm là 9.120.000.000 VND. Khoản vay này được sử dụng để đóng mới tàu Sài Gòn Queen, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(b) Vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (VIB) theo hợp đồng tín dụng số 0002/HĐTĐ2- VIB625/08 ngày 11 tháng 1 năm 2008, và phụ lục hợp đồng số 0002.1/PLHĐT2- VIB625/08 ngày 23 tháng 06 năm 2008, 0002.2/PLHĐT2- VIB625/08 ngày 04 tháng 08 năm 2008, 0002.3/PLHĐT2- VIB625/08 ngày 11 tháng 08 năm 2008, 0002.4/PLHĐT2- VIB625/08 ngày 19 tháng 05 năm 2009, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 6 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 06 tháng USD của VIB +2,2%/năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư đóng mới tàu Sài Gòn Princess, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Số dư khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn có gốc ngoại tệ được chi tiết như sau:

	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương (VND)
Vay dài hạn đến hạn trả	428.000,00	8.914.384.000
Vay dài hạn	8.282.246,00	172.502.619.688
	8.710.246,00	181.417.003.688

Kế hoạch trả nợ gốc qua các năm như sau:

	Nợ gốc phải trả (USD)
Từ 1 năm trở xuống	428.000,00
Trên 1 năm đến 5 năm	4.524.497,90
Trên 5 năm	3.757.748,10
Cộng	8.710.246,00

4.24 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, chi tiết phát sinh như sau:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Số dư đầu năm	4.025.332.273	801.839.037
Phát sinh trong năm	2.051.329.395	3.223.493.236
Số dư cuối năm	6.076.661.668	4.025.332.273

4.25 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	12.711.869.227	845.147.364	5.209.797.289	174.403.364.880
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(10.869.076.563)	(10.869.076.563)
Trích lập các quỹ	-	-	878.730.723	484.458.683	(1.308.509.406)	34.680.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.768.000.000)	(5.768.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(308.000.000)	(308.000.000)
Số dư cuối năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(13.043.788.680)	157.492.968.317
Số dư đầu năm nay	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(13.043.788.680)	157.492.968.317
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(27.928.001.095)	(27.928.001.095)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Tặng khác (*)	-	-	-	-	3.618.000	3.618.000
Số dư cuối năm nay	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(41.568.171.775)	128.968.585.222

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(*)Trong năm 2010, Công ty có tạm trích thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát và điều chỉnh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2011.

Cổ phiếu

	2011	2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu		
Doanh thu khai thác tàu biển	96.628.609.677	89.360.859.640
Doanh thu dịch vụ hàng hải	24.585.781.477	8.640.350.872
Doanh thu dịch vụ vận tải nội địa	9.605.088.469	6.666.296.895
Doanh thu dịch vụ kho vận	12.942.398.255	15.596.612.782
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.212.040.746	1.993.871.622
Doanh thu cho thuê thuyền viên	233.753.227	358.968.864
	146.207.671.851	122.616.960.675
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	146.207.671.851	122.616.960.675

5.2 Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Giá vốn khai thác tàu biển	97.913.986.161	87.588.761.837
Giá vốn dịch vụ hàng hải	23.135.902.096	6.295.511.761
Giá vốn dịch vụ vận tải nội địa	10.943.383.151	8.669.199.602
Giá vốn dịch vụ kho vận	5.936.654.648	10.439.178.761
Giá vốn cho thuê thuyền viên	201.240.000	316.341.000
	138.131.166.056	113.308.992.961

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	47.507.826	101.828.584
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	401.452.291
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.213.784.150	2.549.197.918
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	511.866.646	2.951.851.894
	6.773.158.622	6.004.330.687

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.4 Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	15.718.771.480	14.197.053.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	629.088.900	1.328.526.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.889.222.089	8.528.618.085
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	491.909.503	-
	33.728.991.972	24.054.198.059

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nhân viên	4.336.777.584	3.698.971.693
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.302.503	302.817.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	427.855.966	501.329.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.341.776.432	1.437.891.167
Chi phí khác	475.672.468	388.263.317
	6.829.384.953	6.329.273.422

5.6 Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	687.272.727	4.620.928.305
Lãi do đánh giá tài sản góp vốn	-	7.016.979.007
Các khoản khác	230.986.652	423.157.550
	918.259.379	12.081.064.862

5.7 Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	173.937.474	3.646.461.445
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	19.909.635	11.558.378
Lỗ do đánh giá tài sản góp vốn	-	64.769.569
Trợ cấp thôi việc cho người lao động	698.497.003	-
Các khoản khác	193.874.459	490.808.547
	1.086.218.571	4.213.597.939

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2011 VND	2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	76.466.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.051.329.395	3.223.493.236
	2.051.329.395	3.299.959.908

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.499.425.038	15.646.753.523
Chi phí nhân công	18.943.290.690	40.983.405.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.633.272.396	18.777.901.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.147.268.839	37.520.193.892
Chi phí khác	6.737.294.046	6.710.012.092
	144.980.551.009	119.638.266.383

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Vay	2.000.000.000
	Trả nợ vay	5.000.000.000
	Doanh thu Cung cấp dịch vụ	615.280.258
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	Phí Dịch vụ	374.746.662
Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	1.532.095.800
	Doanh thu DV giao nhận	1.581.948.832
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	2.121.404.359
	Doanh thu DV giao nhận	825.610.478

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Phải trả nợ vay	(3.000.000.000)
	Phải trả cổ phần hóa	(3.197.058.734)
	Phải thu phí dịch vụ	84.753.690
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	Phải trả phí dịch vụ	(36.103.690)
Công ty TNHH Korex - Sài Gòn Logistics	Phải thu phí dịch vụ	60.173.933
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Phải thu phí dịch vụ	101.800.144

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau :

	2011 VND	2010 VND
Tiền lương	1.692.551.547	1.104.173.880
Phụ cấp	58.200.000	84.000.000
	<u>1.750.751.547</u>	<u>1.205.873.880</u>

6.2. Số liệu so sánh

Trong báo cáo tài chính này, Công ty có phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn do xác định lại tỷ lệ quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này đã được Công ty trình bày trên khoản mục đầu tư vào công ty con trên bảng cân đối kế toán năm trước, Công ty đã trình bày lại vào khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trên bảng cân đối kế toán năm nay.

6.3. Tiền thuê đất

Công ty đang sử dụng khu đất tại số 09 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, diện tích 574 m², trên cơ sở Quyết định số 3501/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, Công ty chưa có hợp đồng thuê đất, nên chưa ước tính được tiền thuê đất phải trả cho việc sử dụng khu đất này.


6.4. Các khoản cam kết

Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần Vạn Tài Biên Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 đồng (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh).

6.5. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 44.852.871.108 VND. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết có nguồn tài trợ tài chính thích hợp để trả nợ đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.


ĐỖ ĐOÀN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng


ĐỖ NGỌC LAM
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

